TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 164/2025/HNGĐ-ST Ngày: 18-4-2025 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành

Bà Đặng Thị Châu Loan

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa***: Ông Trần Anh Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-3-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10-4-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1991; số căn cước công dân: 036191002604; nơi cư trú: Số nhà 36 đường VNA, phường QT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Cù Duy N, sinh năm 1990; số căn cước công dân: 036090025270; nơi cư trú: Số nhà 30/12/282 đường TB, phường VX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12-3-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cù Duy N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường HL (nay là phường QT), thành phố NĐ

vào ngày 11-01-2017. Vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng giữa năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không thấu hiểu, không chia sẻ với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Từ tháng 7-2024 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, không chăm sóc nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Cù Duy N.

Về con chung: Chị và anh Cù Duy N có 01 con chung là Cù Khánh L (giới tính: Nữ); sinh ngày 01-01-2018. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Cù Khánh L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Cù Duy N tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Cù Duy N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18-4-2025, anh Cù Duy N trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, anh và chị Trần Thị Ngọc P xảy ra hiểu lầm dẫn đến nhiều mâu thuẫn. Anh nhất trí ly hôn chị Trần Thị Ngọc P. Về nuôi con: Anh nhất trí chị P nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị P tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tại Biên bản ghi ý kiến của con ngày 12-3-2025: Cháu Cù Khánh L là con chung của chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N trình bày nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nếu bố mẹ ly hôn.

4. Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 18-3-2025, chính quyền địa phương nơi anh Cù Duy N cư trú cung cấp: Chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 11-01-2017 tại Ủy ban nhân dân phường HL (nay là phường QT), thành phố NĐ. Chị P và anh N có 01 con chung là Cù Khánh L (giới tính: Nữ); sinh ngày 01-01-2018. Quá trình chung sống chị P và anh N có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không biết chính xác, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh chị. Nếu không hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc P: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu Cù Khánh L (giới tính: Nữ); sinh ngày 01-01-2018 cho chị Trần Thị Ngọc P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-02-2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Cù Duy N và giải quyết việc nuôi con chung giữa chị và anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Cù Duy N không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:*

Nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc P và bị đơn là anh Cù Duy N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc P và bị đơn là anh Cù Duy N.

[3] *Về nội dung tranh chấp trong vụ án:*

3.1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HL (nay là phường QT), thành phố NĐ

vào ngày 11-01-2017. Như vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị Trần Thị Ngọc P, anh Cù Duy N và chính quyền địa phương nơi anh Cù Duy N cư trú cung cấp thì chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị Trần Thị Ngọc P trình bày do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ mọi vấn đề trong cuộc sống; còn anh Cù Duy N trình bày do chị P hiểu lầm anh dẫn đến vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 7-2024 đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N đều nhất trí ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc P: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. *Về nuôi con*

Chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N có 01 con chung là Cù Khánh L (giới tính: Nữ); sinh ngày 01-01-2018. Chị Trần Thị Ngọc P đề nghị Tòa án giao cháu Cù Khánh L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Cù Khánh L cũng có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nếu bố mẹ ly hôn; anh Cù Duy N đề nghị Tòa án giao cháu Cù Khánh L cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng Xét thấy hiện tại cháu Cù Khánh L đang ở với chị Trần Thị Ngọc P; chị P có đủ điều kiện nuôi con; do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Cù Khánh L cho chị Trần Thị Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:*

Chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Chị Trần Thị Ngọc P là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Ngọc P đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N.

2. Về nuôi con: Giao cháu Cù Khánh L (giới tính: Nữ); sinh ngày 01-01-2018 cho chị Trần Thị Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Ngọc P đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002652 ngày 11-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ.

5. Chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Chị Trần Thị Ngọc P và anh Cù Duy N có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ;
- Chi cục Thi hành án thành phố NĐ;
- UBND phường QT, TP. NĐ (GCNKH số 49, ngày 11-01-2017 của UBND phường HL, TP. NĐ);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh